

BỨC TRANH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2013 VÀ KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP NĂM 2014

Nguyễn Đình Luận*

Năm 2013, kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính thế giới. Thông qua một số chỉ tiêu chính là tăng trưởng, lạm phát, việc làm và xuất khẩu ròng, tác giả khái quát bức tranh kinh tế năm 2013 nhằm phân tích đánh giá những mặt đạt được và chưa đạt được, từ đó dự báo và đưa ra một số khuyến nghị nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam bền vững trong năm 2014.

Từ khóa: Kinh tế Việt Nam; Tăng trưởng kinh tế; xuất nhập khẩu; Thâm hụt

1. Nhận định về bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2013

Khi nhận định về bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2013, tác giả phân tích trên 4 chỉ tiêu cơ bản là tăng GDP, lạm phát, việc làm và xuất khẩu ròng.

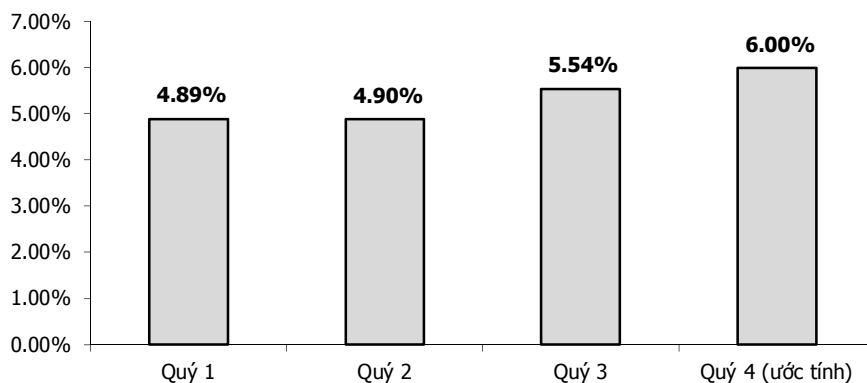
1.1. Tăng trưởng kinh tế

Trong báo cáo về tình hình kinh tế- xã hội năm 2013, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho biết, năm qua, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, kinh tế có bước phục hồi, tái cơ cấu kinh tế đạt được kết quả bước đầu. Trong số 15 chỉ tiêu được Quốc hội thông qua cho năm nay, có 11 chỉ

tiêu ước đạt và vượt, 2 chỉ tiêu xấp xỉ đạt, 2 chỉ tiêu không đạt (tăng trưởng và việc làm). Tổng thu ngân sách ước đạt 96,9% kế hoạch, tổng chi ước đạt 100,8% kế hoạch. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam cả đăng ký cấp mới và tăng thêm là 20,82 tỷ USD, tăng 54,2% so với cùng kỳ năm 2012, ước cả năm 2013 đạt khoảng 22 tỷ USD, vốn thực hiện tăng 6,4%. Tăng trưởng GDP năm 2013 ước đạt khoảng 5,4%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong 4 quý năm 2013 và tăng trưởng kinh tế qua giai đoạn 2004 – 2013 được trình bày ở hình 1 và 2.

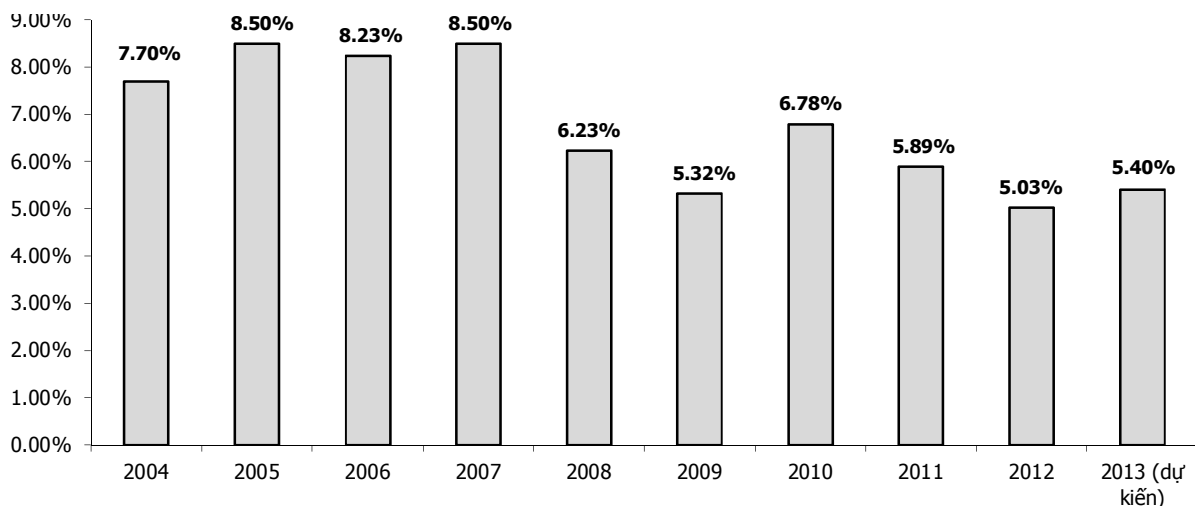
Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các quý trong năm 2013 tuy tăng dần về cuối năm nhưng ở mức rất

Hình 1: Tăng trưởng GDP trong các quý năm 2013



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Hình 2: Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 2004 – 2013



Nguồn: Tác giả tổng hợp

thấp không đủ cải thiện để có thể hoàn thành kế hoạch tăng trưởng kinh tế cả năm 2013 (kế hoạch tăng trưởng kinh tế năm 2013 là 5,8%). Điều đó cho thấy, kinh tế nước ta vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, tiếp tục phải đối mặt với áp lực lớn trong ngắn hạn và chưa thể trở lại quỹ đạo tăng trưởng nhanh trong 1-2 năm tới. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 3 năm 2011-2013 dự kiến sẽ chỉ đạt 5,6%/năm, là mức thấp nhất trong 13 năm trở lại đây, thấp xa so với chỉ tiêu tăng trưởng bình quân theo kế hoạch (6,5 - 7%).

1.2. Lạm phát

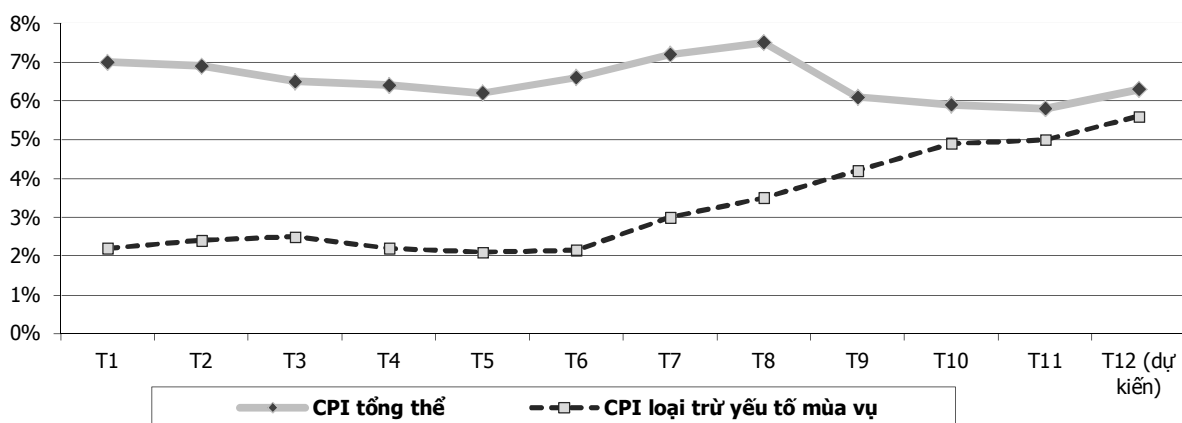
Trong năm 2013, tình hình lạm phát tương đối ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11 tăng chậm lại, ở mức 0,34% so với tháng 10, tăng 5,5% so với

tháng 12/2012 và tăng 5,78% so với cùng kỳ năm 2012. Dự báo tháng 12/2013, chỉ số giá tăng khoảng 0,62% so với tháng 11/2013. Như vậy, tốc độ lạm phát (so với cùng kỳ) trong tháng 11/2013 đã chậm lại ở mức thấp thứ 2 kể từ năm 2003 trở lại đây (chỉ sau năm 2009).

Nguyên nhân chủ yếu là do tổng cầu của nền kinh tế vẫn còn yếu, khiến cho mức tăng giá của các tháng cuối năm tăng thấp, trái với thông lệ thường thấy trong 10 năm gần đây. Lạm phát năm 2013 bị chi phối chủ yếu bởi yếu tố chi phí đẩy (điều chỉnh giá dịch vụ công và giá các nhóm hàng cơ bản do Nhà nước quản lý), thể hiện trên hình 3. Dự báo cả năm, lạm phát sẽ không quá 6,3%, mục tiêu kiềm chế lạm phát thấp hơn so với năm 2012 là hoàn toàn

Hình 3: CPI tổng thể và CPI loại trừ yếu tố mùa vụ các tháng năm 2013

(% so với cùng kỳ)



Nguồn: UBGSTCQG tính toán

khả thi. Như vậy, đến thời điểm hiện nay, có thể nói Việt Nam đã đạt được thành công trong công cuộc kiểm soát lạm phát trong năm 2013. Năm 2013 là năm thứ 2 liên tiếp Việt Nam đã thành công trong việc kiểm soát lạm phát theo đúng mục tiêu đề ra của Quốc hội và Chính phủ, qua đó giúp ổn định kinh tế vĩ mô và kích thích tăng trưởng kinh tế.

1.3. Việc làm

Nhìn lại năm 2012, cả nước có gần 1 triệu người thất nghiệp bởi nền kinh tế không tạo đủ việc làm cho cả lao động mới gia nhập thị trường và bộ phận lao động thất nghiệp cũ. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê công bố hồi tháng 12/2012, với sự hỗ trợ của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), số người có việc làm tăng thêm 1,1 triệu trong vòng 3 quý đầu năm 2012 nhưng đồng thời, lực lượng lao động Việt Nam cũng tăng với con số tương tự.

Theo thống kê tình hình kinh tế- xã hội sáu tháng đầu năm 2013, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước tại thời điểm 01/7/2013 ước tính đạt 53,3 triệu người, tăng 715,6 nghìn người so với thời điểm 01/7/2012 và tăng 308 nghìn người so với thời điểm 01/4/2013. Lực lượng lao động trong độ tuổi lao động là 47,2 triệu người, tăng 249,2 nghìn người so với thời điểm 01/7/2012 và tăng 98,5 nghìn người so với thời điểm 01/4/2013. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc sáu tháng đầu năm ước tính 52,2 triệu người, tăng 0,97% so với năm 2012.

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 47,4% tổng số, không biến động so với năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,7%, giảm 0,5 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ chiếm 31,9%, tăng 0,5 điểm phần trăm.

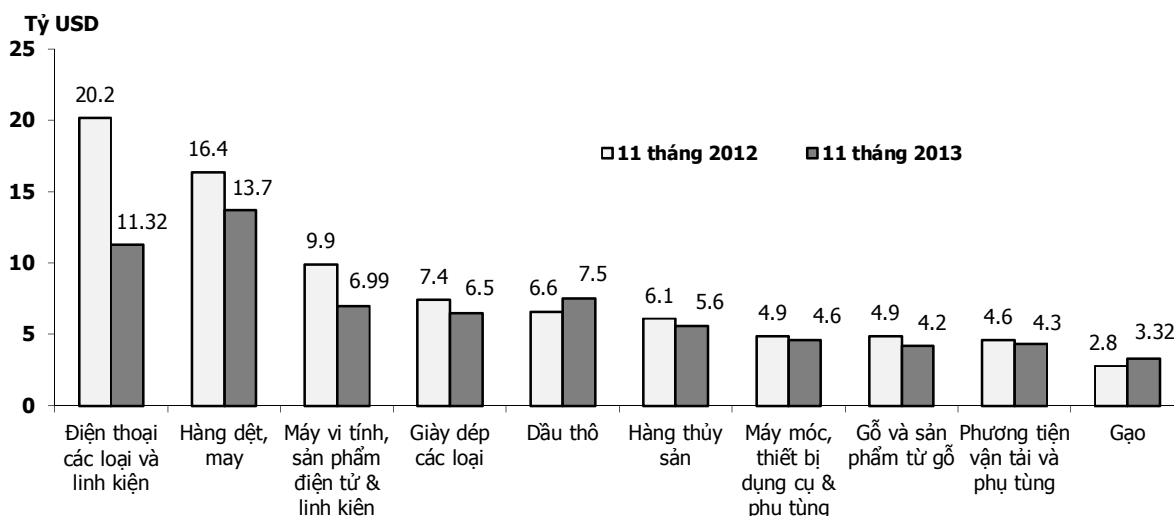
Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động là thanh niên tại khu vực thành thị vẫn cao hơn so với khu vực nông thôn. Cụ thể: tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi lao động năm 2013 ước tính là 2,3%, trong đó khu vực thành thị là 3,8%, khu vực nông thôn là 1,6%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi lao động ước tính là 2,95%, trong đó khu vực thành thị là 1,76%, khu vực nông thôn là 3,47%.

Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên ước tính là 6,1% (được tính cho những người từ 15-24 tuổi), trong đó khu vực thành thị là 11,4% khu vực nông thôn là 4,4%. Tỷ lệ thất nghiệp của người lớn ước tính là 1,3% (được tính cho những người từ 25 tuổi trở lên), trong đó khu vực thành thị là 2,5%, khu vực nông thôn là 0,8%.

Như vậy, trong năm 2013, tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng tăng lên do sản xuất gặp khó khăn, ảnh hưởng đến việc làm của người lao động. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị của thanh niên gấp 4,5 lần tỷ lệ thất nghiệp của người lớn.

1.4. Xuất khẩu ròng (cán cân thương mại)

Hình 4: Trị giá xuất khẩu 10 nhóm mặt hàng lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng/2012 và 11 tháng/2013



Nguồn: Sơ bộ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ ngày 16/11/2013 đến ngày 30/11/2013 (2013)



1.4.1. Xuất khẩu

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 11/2013 ước tính đạt 12,3 tỷ USD, giảm 2,5% so với tháng trước và tăng 18,9% so với cùng kỳ năm 2012. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 11 tháng ước đạt 121,023 tỷ USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước. Thông thường, tháng 12 bao giờ cũng là tháng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất trong năm, cả năm 2013 ước đạt 133-133,5 tỷ USD, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 39,9 tỷ USD, tăng 3,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 81,2 tỷ USD, tăng cao ở mức 23,5%, thể hiện ở hình 4.

Trong các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu 11 tháng năm 2013, một số mặt hàng có kim ngạch tăng cao so với cùng kỳ năm trước là: Điện thoại và các loại và linh kiện đạt 20,2 tỷ USD, tăng 78,4%; hàng dệt, may đạt 16,4 tỷ USD, tăng 19,7%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 9,9 tỷ USD, tăng 41,6%; giày dép đạt 7,4 tỷ USD, tăng 14,2%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 4,9 tỷ USD, tăng 15,8%; túi xách, ví, va li, mũ, ô dù đạt 1,7 tỷ USD, tăng 26,6%; sản phẩm từ chất dẻo đạt 1,6 tỷ USD, tăng 13,2%; rau quả đạt 0,9 tỷ USD, tăng 24,2%.

1.4.2. Nhập khẩu

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 11/2013 ước tính đạt 12,2 tỷ USD, giảm 2,1% so với tháng

trước và tăng 23,1% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 11 tháng đạt 121,1 tỷ USD, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm 2012 (dự kiến năm 2013 đạt 133 tỷ USD), bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 52,2 tỷ USD, tăng 6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 68,9 tỷ USD, tăng 26%.

Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu 11 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước là: Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 17 tỷ USD, tăng 15,6%; Điện tử máy tính và linh kiện đạt 16,5 tỷ USD, tăng 38,8%; vải đạt 7,7 tỷ USD, tăng 19,1%; điện thoại các loại và linh kiện đạt 7,6 tỷ USD, tăng 70,7%; chất dẻo đạt 5,2 tỷ USD, tăng 19%; thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu đạt 2,8 tỷ USD, tăng 27,2%, thể hiện ở hình 5.

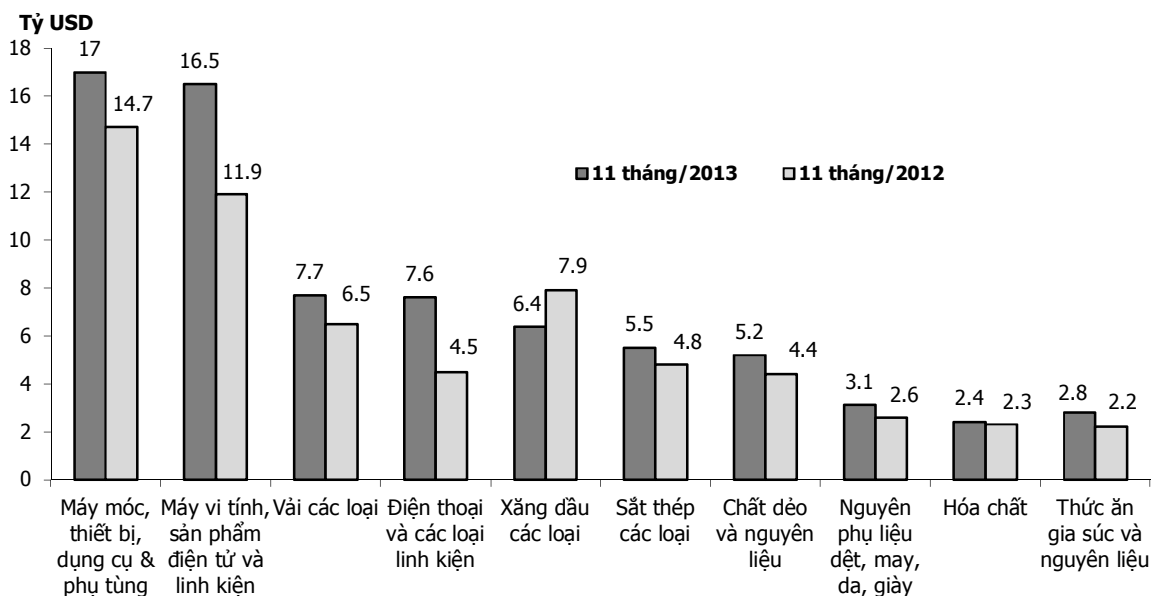
1.4.3. Cán cân thương mại

Trong mười tháng năm 2013, nhập siêu hàng hóa thực hiện là 146 triệu USD. Tháng 11 xuất siêu ước tính 50 triệu USD. Tính chung 11 tháng, nhập siêu 96 triệu USD, bằng 0,1% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,3 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 12,2 tỷ USD.

2. Nhận xét

Qua phân tích trên chúng ta có một số nhận xét về tình hình kinh tế năm 2013 của Việt Nam như sau:

Hình 5: Trị giá nhập khẩu 10 nhóm mặt hàng lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng/2012 và 11 tháng/2013



Nguồn: Sơ bộ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ ngày 16/11/2013 đến ngày 30/11/2013 (2013)

Tăng trưởng tiếp tục tăng dần qua các quý và GDP quý IV dự báo sẽ tăng ở mức 6% do tổng cầu nền kinh tế sẽ chuyển biến tích cực hơn khi tính đến tính chất mùa vụ và tác động của độ trễ chính sách (khoảng 9 tháng) trong những tháng cuối năm. Do vậy, tăng trưởng cả năm được dự báo đạt 5,4%. Một số chỉ số kinh tế vĩ mô chính có chuyển dấu hiệu khả quan hơn trong tháng như sản xuất, xuất khẩu, lạm phát, vốn đầu tư FDI. Chỉ số chứng khoán-chỉ báo sớm của nền kinh tế cũng cho thấy dấu hiệu đã qua đáy trung dài hạn.

Trong 11 tháng đầu năm, xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng khá (tăng 16,2%), nhập siêu ở mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây (thâm hụt 96 triệu USD). Trong đó, khu vực FDI hiện vẫn là trụ cột trong hoạt động xuất khẩu với tỷ trọng 61,3% tổng kim ngạch xuất khẩu (tăng 27,2% so với cùng kỳ). Trong khi đó, do chịu tác động mạnh của chính sách trong nước, hoạt động xuất nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước sụt giảm mạnh hơn kể từ năm 2011 so với khu vực FDI. Xu hướng có phần cải thiện hơn trong năm 2013 so với năm 2012 khi hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu của khu vực này lần lượt tăng 3% và 3,5% so với cùng kỳ. Tăng trưởng nhập khẩu nhóm hàng nguyên liệu phục vụ sản xuất và máy móc phục vụ sản xuất cho thấy có triển vọng phục hồi sản xuất trong nước.

Tuy nhiên, khả năng đạt được mục tiêu tăng trưởng 5,5% cũng như việc duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn trong trung hạn đang gặp nhiều thách thức. Phân tích xu thế tăng trưởng dài hạn cho thấy tăng trưởng đang trong xu thế giảm kể từ năm 2006 đến nay do hiệu quả tăng trưởng thấp, mô hình tăng trưởng không còn phù hợp. Do đó, cần phải đẩy mạnh tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế trong vòng 2-3 năm tới nhằm nâng cao năng suất của nền kinh tế, cải thiện tốc độ tăng trưởng dài hạn.

Năm 2013 gặp nhiều khó khăn, không kém năm 2012. Do một số nguyên nhân:

Thứ nhất, tình trạng u ám, chậm được cải thiện và tiếp tục bất ổn (xét tổng thể) của nền kinh tế thế giới. Sóng gió kinh tế khu vực EU chưa lắng dịu, thậm chí còn bị đe dọa mạnh hơn. Kinh tế Trung Quốc đang gặp nhiều vấn đề cơ cấu, không có cơ sở để giải quyết nhanh; làm cho xu thế giảm tốc độ tăng trưởng mạnh lên và chưa hãm lại được. Xung

đột trên các vùng biển Đông Á, đặc biệt là xung đột Trung – Nhật, sẽ gây ra những hệ lụy tiêu cực khó lường. Các dự báo tổng thể về triển vọng kinh tế thế giới năm 2014 tiếp tục theo chiều hướng “ảm đạm”.

Thứ hai, xu hướng tiếp tục khó khăn của nền kinh tế năm 2013 chính là các yếu tố đóng góp tăng trưởng trong nước.

- Tốc độ tăng trưởng tín dụng thấp cho một nền kinh tế mà tăng trưởng dựa chủ yếu vào vốn. Theo NHNN dự báo, trong năm 2013 tăng trưởng tín dụng sẽ đạt 12%, nếu tính cả lạm phát, tín dụng thực tế chỉ đóng góp rất nhỏ vào tăng trưởng, khó kỳ vọng một sự gia tăng mạnh tín dụng trong thời gian tới vì cho đến nay, các yếu tố cản trở tăng tín dụng (các “cục máu đông” nợ xấu, hàng tồn kho và lãi suất cao) vẫn chưa được giải tỏa nhanh.

- Xu hướng tổng cầu vẫn trì trệ, không thể cải thiện nhanh trong một nền kinh tế mà xu hướng “đi xuống” của tăng trưởng và nguy cơ lạm phát cao vẫn còn thường trực.

- Tinh thần phát triển đòi hỏi phải dành nguồn lực đủ lớn cho các hoạt động tái cơ cấu. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có cơ sở để xác định cần phải dành bao nhiêu vốn cho công cuộc này (tùy thuộc vào Chương trình hành động thực tế của Chính phủ nhằm mục tiêu tái cơ cấu), song nguyên tắc chung là cần ưu tiên cho nhiệm vụ này. Nhưng nếu dành nhiều nguồn lực cho tái cơ cấu thì có nghĩa là phần vốn dành phục vụ tăng trưởng GDP trực tiếp càng ít đi.

Dường như bức tranh kinh tế 2013, với những đường nét vẽ ở trên, sự khởi sắc vẫn còn khiêm tốn. Nhưng đó chỉ là bức tranh dựa trên những giả định “cứng” về các điều kiện “vật thể”, cả trong nước lẫn quốc tế của quá trình tăng trưởng, bức tranh đó còn chừa lại một không gian cho sắc hồng: năm 2013 nếu được chọn là năm cho những hành động tái cơ cấu thực sự, mạnh mẽ và bài bản thì sự “tĩnh lặng”, thậm chí kể cả xu hướng “đi xuống”, của tốc độ tăng trưởng GDP vẫn báo hiệu một sự thay đổi có tính bước ngoặt theo hướng đi lên mạnh mẽ của nền kinh tế cho những năm tiếp theo.

3. Dự báo năm 2014

Năm 2014, Việt Nam chuẩn bị bước vào năm cuối của kế hoạch 5 năm 2011 – 2015 tuy đã có khởi sắc nhưng vẫn còn có những khó khăn nhất định



không thua kém năm 2013. Một số dự báo tình hình kinh tế xã hội năm 2014:

Tình hình kinh tế thế giới có những khởi sắc trong năm 2014, tăng trưởng toàn cầu về cơ bản đang trên đà phục hồi, dù còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc. Theo đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2014 được dự đoán có nhiều khả năng sẽ hồi phục nhưng sẽ thiếu bền vững nếu những tồn tại mang tính cơ cấu của nền kinh tế chưa được giải quyết, như yếu kém về cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực thấp, ngành công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, bất cập tồn tại trong hệ thống luật pháp, chính sách, thiên tai, bão lũ liên tiếp xảy ra, gây thiệt hại nặng nề đến sản xuất và đời sống của nhân dân... Năm 2014 cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ lạm phát cao do tác động trễ của những chính sách tháo gỡ khó khăn sản xuất kinh doanh năm 2013.

Những mục tiêu tổng quát của nền kinh tế, Chính phủ đã đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế cơ bản trong năm 2014 so với 2013, bao gồm: GDP tăng khoảng 5,8%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 6%; tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 30% GDP; tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) khoảng 7%; tạo việc làm cho khoảng 1,6 triệu lao động; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52%. Bên cạnh đó, một số cân đối lớn của nền kinh tế năm 2014 cần được đảm bảo: cân đối lao động và việc làm; cân đối thu, chi ngân sách nhà nước; cân đối vốn đầu tư phát triển; cân đối xuất nhập khẩu; cân cân thanh toán quốc tế; cân đối về điện và lương thực. Các chỉ tiêu là khả thi.

4. Một số khuyến nghị giải pháp cho năm 2014

Từ thực trạng của thế giới, đất nước trong năm 2013, tác giả đề xuất một số kiến nghị cho năm 2014 như sau:

4.1. Chính phủ cần tập trung trong việc tái cấu trúc nền kinh tế, theo lộ trình, theo hướng minh bạch hóa các thể chế, chính sách

Cần có cơ chế phản biện từ xã hội, từ các chuyên gia hàng đầu của lĩnh vực đó đối với các chính sách quan trọng, ảnh hưởng đến quốc gia, đến hoạt động của các doanh nghiệp, đến đời sống của đại bộ phận nhân dân.

Việc tái cơ cấu ngân hàng cần được thực hiện triệt để và quyết liệt, không chỉ nhằm giải quyết một phần vấn đề nợ xấu trong hệ thống ngân hàng mà quan trọng hơn là làm lành mạnh hóa thị trường tín dụng, khơi thông nguồn vốn cho doanh nghiệp.

4.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật để điều hành, điều tiết nền kinh tế

Cơ chế quản lý kinh tế cần được minh bạch hoá bằng hệ thống pháp luật, tiến hành chính phủ điện tử, thay cho cơ chế “xin-cho” như hiện nay. Điều này vừa đáp ứng được yêu cầu cấp bách trong quản lý nhà nước đối với toàn xã hội vì ứng dụng công nghệ hiện đại. Đồng thời, tiết kiệm rất lớn về chi phí và thời gian cho doanh nghiệp. Cũng là giải pháp tốt nhất để chống nạn tham nhũng, hối lộ đã trở thành “quốc nạn”, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền tảng đạo đức xã hội.

4.3. Thay đổi tư duy kế hoạch

Hiện nay, việc bị trói buộc trong tư duy và tầm nhìn kế hoạch hàng năm đang gây nên những hậu quả to lớn. Một mặt, nó dung dưỡng “chủ nghĩa thành tích”. Mặt khác, nó không giúp mở tầm nhìn để thiết lập một chương trình khôi phục các cơ sở ổn định và tăng trưởng bền vững cũng như thực hiện bài bản các nhiệm vụ tái cơ cấu – thường là những công việc đòi hỏi một thời gian dài hơn nhiều (3-5 năm).

4.4. Xây dựng chiến lược quy hoạch tổng thể của quốc gia, thay cho chiến lược phát triển từng địa phương như hiện nay, để chi tiêu đầu tư công tập trung và hiệu quả

Trong mỗi giai đoạn của nền kinh tế, cần thay đổi chỉ tiêu đầu tư công và quản lý nợ công theo hướng tập trung vào một số ngành mũi nhọn, một số địa phương hoặc khu vực kinh tế trọng điểm bằng vốn ngân sách, còn lại để cho tư nhân đầu tư trên cơ sở có phản biện và kiểm soát của xã hội. Có nghĩa là trong ngắn hạn, cần chấp nhận sự mất cân bằng để tăng trưởng và sử dụng hiệu quả vốn ngân sách. Đây là chiến lược mà nhiều quốc gia đã áp dụng, điển hình như Singapore trong những năm 1970 khi họ chỉ ưu tiên phát triển 3 ngành: du lịch, viễn thông và vận tải; Malaysia cũng chỉ ưu tiên phát triển cây dầu cọ trong những năm 1970.

4.5. Tái cấu trúc doanh nghiệp

Tái cấu trúc doanh nghiệp phải được thực hiện từ

việc tái cấu trúc vốn, tái cấu trúc nguồn nhân lực, tái cấu trúc sản phẩm. Trong đó, để đối phó với thực trạng kinh tế hiện nay, các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần ưu tiên sản xuất những sản phẩm ít thâm dụng vốn, quay vòng vốn nhanh, ưu tiên giữ vững và phát triển thị trường nội địa. Linh hoạt trong hoạch định chiến lược. Các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế cũng cần chủ động xây dựng chiến lược tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng chủ động, tích cực, đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp. Khắc phục tình trạng đình đốn sản xuất của các doanh nghiệp như thực hiện chính sách miễn giảm thuế, phí... hỗ trợ và thúc đẩy tiêu dùng nội địa, chú ý tập trung vào đối tượng thu nhập trung bình và thấp trong xã hội. Thực hiện các chính sách thu hút các nguồn vốn trong nước đưa vào sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

4.6. Xây dựng lại chiến lược phát triển nguồn

nhân lực quốc gia bắt đầu từ việc cải cách hệ thống giáo dục và đào tạo một cách triệt để

Chú trọng giáo dục nhân cách và lối sống ở bậc phổ thông, đào tạo chuyên môn, kỹ năng thực hành ở bậc cao đẳng và đại học.

Để có thể thực hiện được mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, năm 2014 vẫn là năm còn nhiều khó khăn, nhiều thách thức đối với Chính phủ, đối với các doanh nghiệp và nhân dân Việt Nam. Trong đó, nguồn nhân lực là yếu tố quyết định của mọi kế hoạch, chiến lược và chính sách. Nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, Việt Nam chắc chắn sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, để tiếp tục công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước Việt Nam phát triển bền vững, mọi người dân ấm no, hạnh phúc góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm 2011- 2015. □

Tài liệu tham khảo:

Sơ bộ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ ngày 16/11/2013 đến ngày 30/11/2013 (2013), từ <<http://www.tapchitaichinh.vn/Bao-cao-va-thong-ke-tai-chinh/So-bo-tinh-hinh-xuat-khau-nhap-khau-hang-hoa-cua-Viet-Nam-tu-ngay-16112013-den-ngay-30112013/38856.tctc>>.

Vietnam's economy 2013 and policy recommendations

Abstract:

In 2013, Vietnam's economy has entered a difficult phase due to the impacts of the global financial crisis. This paper gives an overview of Vietnam's economy 2013 by analyzing economic indicators including growth, inflation, employment and net exports. The paper also provides prospects and recommendations for the economy in 2014.

Thông tin tác giả:

* **Nguyễn Đình Luận**, Tiến sĩ, chuyên ngành Kinh tế quản lý.

- Nơi công tác: Trường Đại học Sài Gòn.

- Hướng nghiên cứu: Kinh tế học, Quản trị nguồn nhân lực.

- Các tạp chí đã công bố công trình: *Tạp chí Phát triển kinh tế*, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*; *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, *Tạp chí Tài chính Marketing*.

Email: luan.nd@sgu.edu.vn